

# CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN VĂN HỌC

## ĐẶC TRƯNG CỦA THƠ, TRUYỆN NGẮN, TIỂU THUYẾT VÀ KỊCH

### 1.1 Đặc trưng của thơ và phương pháp đọc hiểu tác phẩm thơ trong nhà trường

#### 1.1.1 Quan niệm về thơ và một số cách phân loại thơ

##### 1.1.1.1 Quan niệm về thơ

- Nhóm Xuân thu nhã tập: “Thơ là một cái gì huyền ảo, tinh khiết, thâm thúy, cao siêu”.

- Tố Hữu: “Thơ là cái nhụy của cuộc sống”.

- Phan Ngọc: "Thơ là cách tổ chức ngôn ngữ hết sức quái đản để bắt người tiếp nhận phải nhớ, phải cảm xúc và suy nghĩ do chính hình thức ngôn ngữ này".

- “Thơ là hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống, thể hiện những tâm trạng, những cảm xúc mạnh mẽ bằng ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh và nhất là có nhịp điệu” (“Từ điển thuật ngữ văn học”, Nxb ĐHQG, 1999). Định nghĩa này đã định danh một cách đầy đủ về thơ ở cả nội dung và hình thức nghệ thuật. Đặc biệt, đã khu biệt được đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ thơ với ngôn ngữ trong những thể loại văn học khác.

##### 1.1.1.2 Một số cách phân loại thơ

- Theo nội dung biểu hiện có thơ trữ tình (đi vào tâm tư tình cảm, những chiêm nghiệm của con người về cuộc đời - “Tự tình” của Hồ Xuân Hương), thơ tự sự (cảm nghĩ vận động theo mạch kể chuyện - “Hầu Trời” của Tản Đà), thơ trào phúng (phê phán, phủ nhận cái xấu theo lối mỉa mai, đùa cợt - “Vịnh Khoa thi Hương” của Tú Xương).

- Theo cách thức tổ chức bài thơ có thơ cách luật (viết theo luật đã định trước, ví dụ các loại thơ Đường, lục bát, song thất lục bát,...), thơ tự do (không theo niêm luật có sẵn), thơ văn xuôi (câu thơ giống như câu văn xuôi, nhưng giàu nhịp điệu hơn).

- Ở Việt Nam nói riêng và phương Đông nói chung, một số nhà nghiên cứu còn dựa vào thời gian xuất hiện để chia thơ thành các loại:

+ Thơ trữ tình dân gian: Ca dao - những sáng tác trữ tình dân gian, diễn tả đời sống nội tâm của con người. Ca dao không mang dấu ấn cá nhân tác giả như thơ trữ tình (của văn học viết). Trong ca dao, những tình cảm, tâm trạng của các kiểu nhân vật trữ tình và cách thể hiện thế giới nội tâm của các kiểu nhân vật này đều mang tính chất chung, phù hợp với lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp,... Bất cứ ai, nếu thấy ca dao phù hợp, đều có thể sử dụng, xem đó là tiếng lòng mình. Vì thế, ca dao được coi là "thơ của vạn nhà", là tấm gương soi của tâm hồn và đời sống dân tộc. Tuy nhiên, trong cái chung đó mỗi bài ca dao lại có nét riêng độc đáo.

+ Thơ trữ tình trung đại: do đặc điểm hệ tư tưởng thời đại mà thơ ở thời đại này thường nặng tính tượng trưng, ước lệ, tính quy phạm và tính phi ngã. Chủ thể trữ tình trong thơ trung đại thường là cái tôi đại chúng, cái tôi “siêu cá thể”. Nội dung thơ trữ tình trung đại thường nặng về tố chí và truyền tải đạo lý.

+ Thơ trữ tình hiện đại: thuộc loại hình Thơ mới, xuất hiện từ đầu thế kỷ XX và phát triển cho đến ngày nay. Do nhu cầu đề cao mạnh mẽ của cái tôi của thi sĩ, nên màu sắc cá thể của cảm xúc in đậm trong mọi khía cạnh của ngôn từ như vốn từ, các

biện pháp tu từ hay ngữ điệu, giọng điệu. Lời thơ thường linh hoạt, uyển chuyển hơn so với thơ cũ.

Ở nước ta lâu nay vẫn còn tồn tại quan niệm dựa vào nội dung để chia thơ thành các loại: thơ trữ tình, thơ tự sự, thơ trào phúng, thơ cách mạng (có nội dung tuyên truyền chính trị, cổ vũ chiến đấu bảo vệ đất nước).

Nhìn chung, mọi cách phân chia trên đây đều mang tính chất tương đối. Bởi thơ nào mà chẳng trữ tình, dù ít dù nhiều loại thơ nào cũng theo thi luật nhất định (theo đặc trưng của thơ, của ngôn ngữ, dung lượng,...). Mặt khác, những bài thơ trữ tình biểu lộ tình cảm trước thiên nhiên đất trời, giang sơn gấm vóc cũng là một “kênh” thể hiện lòng yêu nước,... Tuy vậy, việc phân chia thơ thành các loại khác nhau là cần thiết, phục vụ cho việc nghiên cứu, đọc – hiểu và thẩm bình tác phẩm một cách thuận lợi hơn.

### **1.1.2 Đặc trưng của thơ**

#### **1.1.2.1 Về ngôn ngữ**

a) Ngôn ngữ thơ giàu nhạc tính:

- Thơ là tác phẩm trữ tình phản ánh cuộc sống qua những rung động của tình cảm. Thế giới nội tâm của nhà thơ không chỉ biểu hiện bằng ý nghĩa của từ ngữ mà còn bằng cả âm thanh, nhịp điệu của từ ngữ ấy. Nếu như trong văn xuôi, các đặc tính thanh học của ngôn ngữ (như cao độ, cường độ, trường độ...) không được tổ chức thì trong thơ, trái lại, những đặc tính ấy lại được tổ chức một cách chặt chẽ, có dụng ý, nhằm tăng hàm nghĩa cho từ ngữ, gợi ra những điều mà từ ngữ không nói hết. Bởi thế, đặc trưng tính nhạc được coi là đặc trưng chủ yếu mang tính loại biệt rõ nét của ngôn ngữ thơ ca.

- Theo các nhà nghiên cứu, nhạc tính trong thơ được thể hiện ra ở ba mặt cơ bản. Đó là: sự cân đối, sự trầm bổng và sự trùng điệp:

+ Sự cân đối là sự tương xứng hài hoà giữa các dòng thơ. Sự hài hoà đó có thể là hình ảnh, là âm thanh:

“Một mai, một cuộc, một căn câu  
Thơ thần dầu ai vui thú nào”

(Nguyễn Bình Khiêm).

Cũng có thể là cách sắp xếp tổ chức mà chúng ta dễ dàng nhận thấy ở cặp câu thực, câu luận trong bài thơ Đường luật thất ngôn bát cú. Đối với thơ hiện đại, yêu cầu này không khắt khe. Tuy vậy, nhà thơ vẫn hết sức chú ý đến hiệu quả nghệ thuật của phép đối xứng trong thơ của mình.

+ Sự trầm bổng của ngôn ngữ thơ thể hiện ở cách hoà âm, ở sự thay đổi độ cao giữa hai nhóm thanh điệu.

Xuân Diệu với hai dòng thơ toàn vận dụng vận bằng đã biểu hiện được cảm xúc lâng lâng, bay bổng theo tiếng đàn du dương, nhẹ êm:

“Sương nương theo trăng ngừng lưng trời  
Tương tư nâng lòng lên chơi vơi”

Chính Tố Hữu đã có lần nói đến giá trị ngữ âm của từ “xôn xao” trong câu thơ “Gió lộng xôn xao, sóng biển đu đưa” (*Mẹ Tom*). Đó đâu chỉ là âm vang của tự nhiên mà là âm vang của tâm hồn. Cái làm nên âm vang đó chính là âm thanh, âm thanh của từ “xôn xao” đã cùng với nghĩa của nó làm nên điều kỳ diệu ấy.

Sự trầm bổng của ngôn ngữ còn thể hiện ở nhịp điệu:

“Sen tàn/ cúc lại nở hoa  
Sầu dài/ ngày ngắn/ đông đà sang xuân”.

Dòng thơ cắt theo nhịp 2/4 và 2/2/4 đều đặn như nhịp chuyền vận đều đặn của tháng năm bốn mùa... Nhịp thơ ở đây là nhịp của cảm xúc, cảm nhận. Như vậy, âm thanh, nhịp điệu trong thơ không đơn thuần là hình thức mà là những yếu tố góp phần biểu hiện những khía cạnh tinh vi của đời sống tình cảm con người.

+ Sự trùng điệp của ngôn ngữ thơ thể hiện ở sự dùng vận, điệp từ, ngữ và điệp cú. Chúng có tác dụng như một phương tiện kết dính các dòng thơ lại với nhau thành một đơn vị thống nhất, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho trí nhớ vừa tạo nên vẻ đẹp trùng điệp cho ngôn ngữ thơ:

“Lâu mưa xuống, thêm lan mưa xuống  
Mưa xuống lâu, mưa xuống thêm lan  
Mưa rơi ngoài nẻo dặm ngàn  
Nước non rả rích giọt đàn mưa xuân”  
(*Tiếng đàn mưa* - Bích Khê).

Lối điệp từ, điệp ngữ, điệp câu trúc ở đây vừa diễn tả được hình ảnh cơn mưa của đất trời vừa tạo nên một ấn tượng vương vấn không dứt trong lòng người. Như vậy, nhạc điệu trong thơ là một đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ thơ. Ngày nay, nhu cầu của thơ có phần đổi khác. một số người có xu hướng bỏ vận để tạo cho câu thơ sự tự do hoá triệt để. Nhưng nếu không có một nhạc điệu nội tại nào đó như sự đối xứng giữa các dòng, các đoạn thơ, tiết tấu, nhịp điệu của câu thơ thì không còn là ngôn ngữ thơ nữa.

b) Ngôn ngữ thơ có tính hàm súc

- Đây là đặc điểm chung của ngôn ngữ trong tác phẩm văn chương, nhưng do đặc trưng của thể loại mà nó biểu hiện một cách tập trung với yêu cầu cao nhất trong ngôn ngữ thơ. Nếu ngôn ngữ văn xuôi tự sự là ngôn ngữ của cuộc sống đời thường, nó chấp nhận mọi lớp từ, mọi biến thái, mọi chiều kích, thậm chí cả sự xô bồ, phồn tạp đến cực độ để tái hiện bộ mặt cuộc sống, tâm lý con người trong sự sâu rộng, đa chiều vốn có của nó thì ngôn ngữ thơ lại mang nặng tính "đặc tuyển". Là thể loại có một dung lượng ngôn ngữ hạn chế nhất trong các loại tác phẩm văn học, nhưng thơ lại có tham vọng chiếm lĩnh thế giới. Nói như Ô-giê-rốp: “Bài thơ là một lượng thông tin lớn nhất trong một diện tích ngôn ngữ nhỏ nhất”. Chính sự hạn định số tiếng trong câu thơ, bài thơ buộc người nghệ sỹ phải “thôi xao”, nghĩa là phải phát huy sự tư duy ngôn ngữ để lựa chọn từ ngữ cho tác phẩm. Bởi thế, Maiacôpxki gọi lao động nghệ thuật ngôn từ của nhà thơ là “trả chữ với với giá cắt cổ”:

"Nhà thơ trả chữ với giá cắt cổ  
Như khai thác chất hiếm radium  
Lấy một gam phải mất hàng bao công lực  
Lấy một chữ phải mất hàng tấn quặng ngôn từ."

Như vậy, tính hàm súc được hiểu là khả năng của ngôn ngữ có thể miêu tả mọi hiện tượng của cuộc sống một cách cô đọng, ít lời mà nói được nhiều ý, ý tại ngôn ngoại. Đây chính là cách dùng từ sao cho đắt nhất, có giá trị biểu hiện cao nhất kiểu như Nguyễn Du đã "giết chết" các nhân vật Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Hồ Tôn Hiến, mỗi tên chỉ bằng một từ: cái vô học của Mã Giám Sinh: Ghế trên ngòai tốt sỗ sàng; cái gian

manh của Sở Khanh: Rẽ song đã thấy Sở Khanh lên vào; cái tầm thường ti tiện của Hồ Tôn Hiến: Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình.

- Do quy mô của tác phẩm, thơ ca thường sử dụng từ ngữ rất "tiết kiệm". Tính hàm súc của ngôn ngữ thơ, vì vậy, chứa đựng các thuộc tính khác. Hàm súc cũng có nghĩa là phải chính xác, giàu hình tượng, có tính truyền cảm và thể hiện cá tính của người nghệ sỹ. Ví dụ, từ "củ" trong câu thơ của Huy Cận: "Củ một cành khô lạc mấy dòng" là một từ có tính hàm súc cao, vừa đảm bảo được tính chính xác, tính hình tượng, vừa có tính truyền cảm. nhấn mạnh thân phận nhỏ bé, bọt bèo của kiếp người trong cuộc sống. Tác giả liên tưởng đến cuộc đời mình cũng như bao người dân mất nước, mang thân phận bọt bèo giữa cuộc đời rộng lớn. Hình ảnh cành củ kia còn tượng trưng cho kiếp người nhỏ bé, những văn nghệ sỹ đang bần khổ, bơ vơ, lạc lõng trước nhiều trường phái văn học, ngã rẽ của cuộc đời.

- Đề đạt được tính hàm súc cao nhất, có thể biểu hiện được cái vô hạn của cuộc sống trong những cái hữu hạn của các đơn vị ngôn ngữ, thơ ca phải tính đến những kiểu tổ chức đặc biệt mà nhà nghiên cứu Phan Ngọc gọi là "quái đản". Dưới áp lực của cấu trúc ngôn ngữ khác thường này, ngữ nghĩa của từ trong thơ không dừng lại ở nghĩa gốc, nghĩa đen, nghĩa trong từ điển mà phong phú, sâu sắc, tinh tế hơn. Đó là thứ nghĩa được tạo sinh nhờ quan hệ và trong quan hệ.

Khi Hồng Nguyên viết: "Có nắng chiều đột kích mấy hàng cau" thì chính trong quan hệ với những yếu tố trước và sau nó mà từ "đột kích" được cấp cho một nghĩa mới, gọi lên những rung động thẩm mỹ. Hay trong câu thơ của Lâm Thị Mỹ Dạ: "Em đã lấy tình yêu của mình thắp lên ngọn lửa" thì sự kết hợp bất thường về nghĩa đã mở ra những liên tưởng hết sức thú vị. Trong đời thường, khi nói đến việc "thắp lửa", người ta một là nghĩ đến phương tiện như: cái bật lửa, que diêm ... hai là nguyên liệu như: dầu hoả, dầu dừa ... Ở đây, nhà thơ lại thay nó bằng một "chất liệu" rất trừu tượng thuộc lĩnh vực tinh thần. Và trong quan hệ với cái chất liệu trừu tượng đó, nghĩa bề mặt của "ngọn lửa" bị mờ đi, mở ra những nghĩa mới. Đó là: chân lý, niềm tin, lý tưởng cuộc đời...

- Định lượng số tiếng trong thơ cũng là tiền đề tạo ra sự xuất hiện với một mật độ dày đặc các phương tiện nghệ thuật trong thơ so với văn xuôi. Nhiều lúc, trong một bài thơ, có thể thấy xuất hiện cùng một lúc các phương tiện tu từ khác nhau, như ẩn dụ, hoán dụ, nhân hoá, tượng trưng, điệp từ, điệp ngữ. Bài ca dao trữ tình sau đây là một ví dụ:

"Khăn thương nhớ ai  
Khăn rơi xuống đất  
Khăn thương nhớ ai  
Khăn vắt lên vai  
Đèn thương nhớ ai  
Mà đèn không tắt  
Mắt thương nhớ ai  
Mắt ngủ không yên  
Đêm qua em những lo phiền  
Lo vì một nỗi không yên một bề."

Bài ca dao có số lượng từ không nhiều nhưng bằng các biện pháp tu từ đã thể hiện được tâm trạng khắc khoải nhớ mong của người con gái dường như còn vang mãi, dư âm đến tận bây giờ và cả mai sau, không chỉ của một người mà của nhiều người.

c) Ngôn ngữ thơ có tính truyền cảm:

- Tính truyền cảm cũng là đặc trưng chung của ngôn ngữ trong tác phẩm văn chương, bởi tác phẩm văn học là sản phẩm của cảm xúc của người nghệ sĩ trước cảnh đời, cảnh người, trước thiên nhiên. Cho nên, ngôn ngữ trong tác phẩm văn chương phải biểu hiện được cảm xúc của tác giả và phải truyền được cảm xúc của tác giả đến người đọc, khơi dậy trong lòng người đọc những cảm xúc thẩm mỹ. Tuy nhiên, do đặc trưng của thơ là tiếng nói trực tiếp của tình cảm, trái tim nên ngôn ngữ thơ ca có tác dụng gợi cảm đặc biệt.

- Ngôn ngữ thơ không bao giờ là ngôn ngữ chú trọng miêu tả cái khách quan như ngôn ngữ trong tác phẩm tự sự. Nếu nhà văn dùng ngôn ngữ để thuyết minh, miêu tả, nhấn nhủ, giải thích... thì nhà thơ dùng ngôn ngữ để truyền cảm. Khi Quang Dũng viết:

“Người đi Châu Mộc chiều sương ấy  
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ  
Có nhớ dáng người trên độc mộc  
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa”

Quang Dũng không có ý hỏi ai lên Châu Mộc trong buổi chiều sương nào đó có nhìn thấy phong cảnh hữu tình không mà tác giả khơi trong ta nỗi nhớ thương mất mát, nuối tiếc ngậm ngùi, những ngày tháng, những kỷ niệm, những ảo ảnh đã tan biến trong đời... Quang Dũng gợi trong ta một trạng thái bằng cách hồi sinh những gì đã mất, đồng thời phản ánh tâm trạng của chính mình.

- Lời thơ thường là lời đánh giá trực tiếp thể hiện quan hệ của chủ thể với cuộc đời. Là lời đánh giá trực tiếp, thể hiện tâm trạng cho nên sự lựa chọn từ ngữ, phương thức tu từ trong thơ bao giờ cũng nhằm làm cho nội dung cảm xúc, thái độ đánh giá, sự đồng cảm hoặc phê phán, ca ngợi trở nên nổi bật:

“Ôi những cánh đồng quê chảy máu  
Dây thép gai đâm nát trời chiều”

(Nguyễn Đình Thi).

Ở đây, mỗi câu thơ đều mang một từ tập trung tất cả sức nặng của tình cảm. Những từ đó như là những tiêu điểm để ta nhìn thấu vào tâm hồn tác giả. Tính truyền cảm của ngôn ngữ thơ không chỉ biểu hiện qua cách lựa chọn từ ngữ, các phương thức tu từ mà còn biểu hiện qua nhạc điệu thơ.

Chẳng hạn:

“Em ơi Ba Lan mùa tuyết tan  
Đường bạch dương sương trắng nắng tràn”  
(Tố Hữu).

Sự tập trung dày đặc các nguyên âm có độ mở rộng và phụ âm mũi vang khiến câu thơ nghe giàu tính nhạc, kéo dài như âm vang của sóng biển vỗ bờ. Nhạc tính đó không đơn thuần là sự ngân nga của ngôn ngữ mà còn là khúc nhạc hát lên trong lòng người.

Như vậy, thơ là một hình thái nghệ thuật cao quý, tinh vi của sáng tạo văn học nghệ thuật. Vì vậy, ngôn ngữ thơ là ngôn ngữ mang tính nghệ thuật; ngôn ngữ thơ trước

hết mang đầy đủ những thuộc tính của ngôn ngữ văn học, đó là: tính chính xác, tính hàm súc, tính đa nghĩa, tính tạo hình, tính biểu cảm... Tuy nhiên, ở mỗi loại tác phẩm khác nhau, những đặc điểm ấy lại biểu hiện dưới những sắc thái và mức độ khác nhau. Đồng thời, mỗi loại tác phẩm lại có những đặc trưng ngôn ngữ riêng...

#### *1.1.2.2 Về phương thức biểu hiện*

- Thơ là một thể loại văn học thuộc phương thức biểu hiện trữ tình. Thơ tác động đến người đọc bằng sự nhận thức cuộc sống, những liên tưởng, tưởng tượng phong phú; thơ được phân chia thành nhiều loại hình khác nhau, nhưng dù thuộc loại hình nào thì yếu tố trữ tình vẫn giữ vai trò cốt lõi trong tác phẩm.

- Nhân vật trữ tình (cũng gọi là chủ thể trữ tình, cái tôi trữ tình) là người trực tiếp cảm nhận và bày tỏ niềm rung động trong thơ trước sự kiện. Nhân vật trữ tình là cái tôi thứ hai của nhà thơ, gắn bó máu thịt với tư tưởng, tình cảm của nhà thơ. Tuy vậy, không thể đồng nhất nhân vật trữ tình với tác giả.

- Thơ là tiếng nói của tình cảm con người, những rung động của trái tim trước cuộc đời.

- Thơ tuy biểu hiện những cảm xúc, tâm sự riêng tư, nhưng những tác phẩm thơ chân chính bao giờ cũng mang ý nghĩa khái quát về con người, về cuộc đời, về nhân loại, đó là câu hỏi dẫn đến sự đồng cảm giữa người với người trên khắp thế gian này.

- Thơ thường không trực tiếp kể về sự kiện, nhưng bao giờ cũng có ít nhất một sự kiện làm nảy sinh rung động thẩm mỹ mãnh liệt trong tâm hồn nhà thơ mà văn bản thơ là sự thể hiện của niềm rung động ấy. Một miếng trầu đem mời, một cái bánh trôi nước, một tiếng gà gáy canh khuya có thể là những sự kiện gây cảm xúc cho Hồ Xuân Hương; sự kiện Dương Khuê qua đời trong "Khóc Dương Khuê" (Nguyễn Khuyến); cuộc đời tài hoa mệnh bạc của nàng Tiểu Thanh trong "Độc Tiểu Thanh kí" (Nguyễn Du),...

- Thơ thường có dung lượng câu chữ ngắn hơn các thể loại khác (tự sự, kịch). Hệ quả là nhà thơ biểu hiện cảm xúc của mình một cách tập trung hơn thông qua hình tượng thơ, đặc biệt thông qua ngôn ngữ nghệ thuật, qua dòng thơ, qua vần điệu, tiết tấu... Nhiều khi, cảm xúc vượt ra ngoài cái vỏ chật hẹp của ngôn từ, cho nên mới có chuyện "ý tại ngôn ngoại". Do đó, thơ có thể tạo điều kiện cho người đọc thực hiện vai trò "đồng sáng tạo" để phát hiện đời sống, khiến người đọc phải suy nghĩ, trăn trở để tìm kiếm ý đồ nghệ thuật của tác giả cũng như những điểm đặc sắc trong tư duy nghệ thuật của mỗi nhà thơ.

- Thơ chú trọng đến cái đẹp, phần thi vị của tâm hồn con người và cuộc sống khách quan. Về đẹp và tính chất gợi cảm, truyền cảm của thơ có được còn do ngôn ngữ thơ cô đọng, hàm súc, giàu hình ảnh và nhạc điệu. Sự phân dòng, và hiệp vần của lời thơ, cách ngắt nhịp, sử dụng thanh điệu... làm tăng sức âm vang và lan tỏa, thấm sâu của ý thơ. Bàn về đặc điểm này, nhà thơ Sóng Hồng viết: "Thơ là một hình thái nghệ thuật cao quý, tinh vi. Người làm thơ phải có tình cảm mãnh liệt thể hiện sự nồng cháy trong lòng. Nhưng thơ là có tình cảm, lí trí kết hợp một cách nhuần nhuyễn và có nghệ thuật. Tình cảm và lí trí ấy được diễn đạt bằng những hình tượng đẹp đẽ qua những lời thơ trong sáng vang lên nhạc điệu khác thường".

#### *1.1.2.3 Về cấu trúc*

- Mỗi bài thơ là một cấu trúc ngôn ngữ đặc biệt. Sự sắp xếp các dòng (câu) thơ, khổ thơ, đoạn thơ làm nên một hình thức có tính tạo hình. Đồng thời, sự hiệp vần, xen

phối bằng trắc, cách ngắt nhịp vừa thông nhất vừa biến hóa tạo nên tính nhạc điệu. Hình thức ấy làm nên vẻ đẹp nhịp nhàng, trầm bổng, luyến láy của văn bản thơ.  
- Vận điệu là một trong những đặc trưng quan trọng về mặt cấu trúc. Không có vận điệu là không phải là thơ ca. Ví dụ:

“Cỏ non xanh tận chân trời  
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa”  
(Nguyễn Du)

Hai câu thơ dù có mượn ý từ hai câu thơ Đường “Phương thảo thiên biên bích/ Lê chi sở điểm hoa. (“Cỏ thơm liền với trời xanh/ Trên cành lê có mấy bông hoa.”) thì bậc thầy thơ ca Nguyễn Du chỉ sáng tạo thêm chữ “trời”; chữ “tận” và chữ “trắng” cộng với vận điệu lục bát của Việt Nam đã tạo được hai câu...? Và mùa xuân cuối của câu sáu, gieo vần vài là chữ thứ sáu của câu tám. Sự gieo vần như vậy cùng phối hợp về thanh điệu, ngữ điệu giữa các chữ tạo thành cấu trúc có vận điệu chính đã tạo ra câu thơ rất hay.

- Vận điệu và niêm luật trong một bài thơ Đường luật:

+ Niêm nghĩa đen là dán dính lại bằng chất hồ. Trong thơ, niêm là cách xếp đặt các câu thơ cho dính lại với nhau về nhịp thanh bằng thanh trắc và gây sự liên lạc mật thiết về âm điệu.

+ Vần ở vào chữ chót câu đầu và các câu chẵn (như vậy bài thơ có 5 vần và chỉ dùng vần cước). Cả bài gieo một vần (độc vần). Vần bằng (thuộc thanh bằng)

+ Thanh luật là luật chỉ định trong một câu thơ, chữ nào phải thanh bằng, thanh trắc. Chữ thanh bằng là chữ có dấu huyền hoặc không dấu, chữ thanh trắc là chữ có các dấu: Ngã, hỏi, nặng, sắc.

+ Trong thơ Đường luật, câu thơ nào cũng có 7 chữ, thanh luật áp dụng cho các chữ trong câu như sau:

1) Chữ cuối (chữ thứ 7) tùy thuộc vị trí câu thơ đối với vần thơ. Nếu câu thơ mang vần (câu 1,2,4,6,8) thì chữ ấy bằng, nếu câu thơ không mang vần (câu 3,5,7 thì chữ ấy trắc).

2) Chữ 2,4,6 theo phép Nhị tứ lục phân minh, nghĩa là 3 chữ này phải bằng, trắc, bằng hoặc trắc, bằng, trắc.

3) Chữ 1,3,5 theo phép Nhất tam ngũ bất luận nghĩa là không kể đến luật bằng trắc, được tự do. Tuy nhiên trên thực tế, chỉ chữ 1 và 3 được bất luận, còn chữ thứ 5 phải khác thanh với chữ chót của câu thơ.

Ta thấy ở luật bằng trắc này, luật lệ cốt yếu nhằm vào các chữ 2,4,6. Nhịp thanh của câu thơ dựa vào đó mà thay đổi lên xuống. Cho nên bài thơ nào bắt đầu với một câu thơ luật bằng thì gọi là bài thơ luật bằng. Bài thơ nào bắt đầu với câu thơ luật trắc gọi là bài thơ luật trắc. Ví dụ bài Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hiệu:

“Tích nhân dĩ thừa Hoàng Hạc khứ  
Thử địa không dư hoàng hạc lâu  
Hoàng Hạc nhất khứ bất phục phản  
Bạch vân thiên tải không du du  
Tình xuyên lịch lịch Hán Dương thụ  
Phương thảo thê thê Anh vũ châu  
Nhật mộ hương quan hà xứ thị  
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.”

Dịch thơ:  
 Hạc vàng ai cưới đi đâu  
 Mà nay Hoàng Hạc riêng lầu còn thơ  
 Hạc vàng bay mất từ xưa  
 Ngàn năm mây trắng bây giờ còn bay  
 Hán Dương sông tạnh cây bầy  
 Bãi xa Anh Vũ xanh đây cỏ non  
 Quê hương khuất bóng hoàng hôn  
 Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai ?  
 (Tản Đà - dịch)

+ Về mặt hình thức, dễ nhận biết đây là bài thơ Đường luật thể thất ngôn bát cú (bảy chữ, tám câu) nhưng ngay trong mấy câu mở đầu, đã thể hiện một cú pháp rất đặc biệt, bởi sự phá hết niêm luật và thi pháp của thơ Đường. Về luật bằng trắc, câu 1 và câu 3 là những câu thể hiện sự phá cách táo bạo nhất. Theo luật thơ Đường, các vị trí nhị tứ lục thất trong câu thơ phải tuân thủ theo đúng quy định bằng trắc. Các vị trí 1,6,8 trong câu thơ thứ nhất đã hoàn toàn biến đổi ngược lại với quy định. Luật bằng trắc của bài thất ngôn bát cú, thơ vần bằng trong câu đầu lẽ ra phải là: BBTBTTBB (Ví dụ: “Trời chiều bằng lãng bóng hoàng hôn” - Bà Huyện Thanh Quan) thì câu thơ đầu của Hoàng Hạc Lâu biến thành TBTBBTT (“Tích nhân dĩ thừa Hoàng hạc khứ”). Tiếp đến, câu thứ 3 được cấu tạo với một loạt 6 thanh trắc đi với nhau, gọi lên một niềm xót xa trước sự nghiệt ngã của thời gian, của cuộc đời con người BTTTTTT (“Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản.”)

+ Thơ Đường vốn trọng sự cô đọng của câu chữ, đặc biệt tránh việc phải dùng những hư từ, trong bài thơ này được dùng một từ lặp lại nhiều lần “Hoàng Hạc” được 3 lần. “không” được 2 lần, tạo nên hiệu quả sự ám ảnh khôn nguôi về Hạc vàng. Hoàng Hạc Lâu là một kiệt tác của Trung Hoa và cũng là đỉnh cao chói lọi của thơ Đường nói riêng và của văn học Trung Hoa nói chung, ngàn năm không ai vượt qua nổi. Thi tiên Lý Bạch đứng trước Hoàng Hạc Lâu cũng phải gác bút mà thốt lên rằng: “Đình tiền hữu cảnh đạo bất đắc/ Thôi Hiệu đề thi tại thương đản” (trước mắt có cảnh đẹp nhưng không sao nói được, vì đã có thơ của Thôi Hiệu sừng sững ở trên đầu).

- Gieo vần trong thơ mới và thơ hiện đại:

+ Vần liền: Vần theo những cặp gián cách, từng cặp vần bằng trắc theo nhau liền, ví dụ trong bài thơ *Nhớ rừng* của Thế Lữ:

“Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối,  
 Ta say môi đứng uống ánh trăng tan,  
 Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn,  
 Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới,  
 Đâu những cảnh bình minh nắng gọi  
 Tiếng chim ca giấc ngủ ta tung bồng,  
 Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng,  
 Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới.”

+ Vần chéo: Là cách gieo vần bắt chéo, câu 1 vần xuống câu 3, câu 2 vần xuống câu 4, ví dụ trong thơ Huy Cận: